TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT
Ngày 29 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Lệ Kiều
Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2018/TLPT - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị H, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp X, xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Tạm trú: Ấp Đ, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P, sinh năm 1981
Địa chỉ: Ấp X, xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.
Tạm trú: Ấp V, xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị M, sinh năm 1964 (có mặt).
2. Ông Hà Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.
3. Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1955 (có mặt)
4. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Văn T: Bà Dương Thị M, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 5 năm 2018).

5. Anh Phạm Văn E, sinh năm 1984 (vắng mặt)

6. Chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q), sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Phạm Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị và anh P chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 27 tháng 4 năm 2005. Trong quá trình chung sống, chị H và anh P có hai người con chung là Phạm Thị Yến H2, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005 và Phạm Nhất P1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016; hiện đang sống chung với anh P. Về tài sản chung, chị H và anh P có tạo lập được tài sản chung là 01 (một) chiếc xe môtô hiệu SIRIUS màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 94L1 – 4331 do anh P đứng tên đăng ký và đang quản lý; ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác.

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2017, chị H bị tai nạn phải nhập viện, anh P có vay của cha mẹ chị H là ông Hà Văn T và bà Dương Thị M số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay, thỏa thuận không tính lãi và không lập thành văn bản. Sau khi vay tiền, chị H và anh P có trả được số tiền 2.500.000 đồng nên hiện nay còn nợ 7.500.000 đồng. Ngoài ra, chị H và anh P không còn khoản nợ nào khác.

Trong quá trình chung sống, mỗi lần chị H bị bệnh, anh P không quan tâm, chăm sóc, lo lắng mà bỏ mặc chị dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2017, chị H về nhà cha mẹ ruột sống thì hai bên gia đình có tổ chức hàn gắn và chị H có trở về sống chung với anh P nhưng anh P không thay đổi, chị H tiếp tục về nhà cha mẹ ruột sống và 02 vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh P. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu P1, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu H2 cho anh P tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tài sản chung và nợ chung, chị H yêu cầu được chia đôi.

Theo bị đơn anh Phạm Văn P trình bày: Khi chị H bị tai nạn anh có vay của cha mẹ anh là ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị M1 số tiền 10.000.000 đồng và vay của vợ chồng em ruột anh P là anh Phạm Văn E và chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q) số tiền 15.000.000 đồng để làm chi phí điều trị và thăm nom chị H. Đối với số tiền 7.500.000 đồng mà chị H xác định nợ ông T và bà M, thì anh P không có vay mà đây là số tiền gia đình chị H tự bỏ ra để làm thủ tục thuê xe chuyển viện cho chị H nhưng không hỏi ý kiến anh P nên anh P không thừa nhận là nợ chung của anh P và chị H.

Giữa anh P và chị H không phát sinh mâu thuẫn gì nghiêm trọng mà do sau khi điều trị vì bị tai nạn chị H về nhà cha mẹ ruột ở một thời gian, thì anh P có qua rước chị H về nhà anh P, nhưng được vài ngày, nghe tin cha vợ bệnh, anh P có chở chị H về thăm cha vợ. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2017, chị H về nhà anh P rước cháu P1 về nhà cha mẹ vợ, anh P không đồng ý nên hai bên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến anh P và chị H sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh P có nhiều lần điện thoại kêu chị H về hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì không muốn các con thiếu tình thương của cha hoặc mẹ. Trong trường hợp có căn cứ cho chị H và anh P ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P1 và cháu H2, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án có căn cứ giao con cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, thì anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh P đồng ý chia đôi chiếc xe môtô hiệu Sirius và yêu cầu được nhận ½ giá trị chiếc xe. Về nợ chung, anh P không đồng ý chia đôi số tiền 7.500.000 đồng theo yêu cầu của chị H vì anh P không có vay tiền của cha mẹ vợ anh P và anh P có yêu cầu phản tố, yêu cầu chia đôi số tiền 10.000.000 đồng nợ ông Đ1, bà M1 và số tiền 15.000.000 đồng nợ anh E, chị Q.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hà Văn T và bà Dương Thị M trình bày: Vào ngày 01 tháng 10 năm 2017, con ông T và bà M là chị H bị tai nạn phải nhập viện điều trị nhưng vợ chồng chị H và anh P không có tiền nên anh P có hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng để đưa chị H đi bệnh viện; việc vay tiền này thỏa thuận không tính lãi và chỉ có bà M và anh P trực tiếp thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau khi chị H xuất viện, chị H và anh P có thanh toán cho vợ chồng ông T và bà M số tiền 2.500.000 đồng, còn lại số tiền 7.500.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay ông T và bà M yêu cầu anh P và chị H thanh toán cho ông T và bà M số tiền nợ 7.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị M1 trình bày: Vào ngày 15 tháng 8 năm 2017 (âm lịch), ông Đ1 và bà M1 có cho vợ chồng chị H và anh P vay số tiền 10.000.000 đồng, không tính lãi để trị bệnh cho chị H. Khi đó, chị H đang nằm viện nên không biết mà chỉ có anh P là người đứng ra vay tiền và việc vay tiền không có lập thành văn bản, không ai chứng kiến. Từ khi vay đến nay, anh P và chị H chưa thanh toán nợ cho ông Đ1 và bà M1. Nay ông Đ1 và bà M1 yêu cầu anh P và chị H thanh toán cho ông Đ1 và bà M1 số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn E trình bày: Khi chị H bị tại nạn (không nhớ thời gian cụ thể), anh P có vay của vợ chồng anh E và chị Q số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi để lo cho chị H. Khi vay tiền, hai bên không lập thành giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến, anh P trực tiếp thỏa thuận với vợ chồng anh E và chị Q, còn chị H đang nằm viện nên không biết về khoản vay này. Hiện nay, anh P và chị H vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho anh E và chị Q. Nay chị H có yêu cầu ly hôn anh P, anh E yêu cầu vợ chồng anh P và chị H thanh toán cho vợ chồng anh E và chị Q số tiền 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trường hợp không đủ căn cứ xác định số nợ trên là nợ

chung của anh P và chị H, vợ chồng anh E, chị Q và anh P sẽ tự thỏa thuận về số nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q): Tòa án nhân dân huyện V đã nhiều lần triệu tập chị Q đến Tòa án làm việc, nhưng chị Q không đến nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai của chị Q để ghi nhận ý kiến, yêu cầu của chị Q mà căn cứ vào chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập để làm căn cứ giải quyết.

Chị H không đồng ý yêu cầu phản tố của anh P về việc chia đôi số tiền 10.000.000 đồng nợ ông Đ1, bà M1 và số tiền 15.000.000 đồng nợ anh E, chị Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh P thống nhất chị H và anh P đã tự phân chia tài sản chung là 01 (một) chiếc xe môtô hiệu SIRIUS màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 94L1 – 4331 xong, nên chị H và anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và chị H có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh P về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

Từ những nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 và điểm b tiểu mục 1.3 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H đối với anh Phạm Văn P. Cho ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Yến H2, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005 cho anh Phạm Văn P tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu Phạm Nhất P1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ giao cháu Phạm Nhất P1 cho chị Hà Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H đối với anh Phạm Văn P về việc yêu cầu chia tài sản chung. Đình chỉ

giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với anh Phạm Văn P.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P đã tự phân chia tài sản chung xong và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H đối với anh Phạm Văn P về việc chia nợ chung khi ly hôn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn P đối với chị Hà Thị H về việc chia nợ chung khi ly hôn.

Buộc chị Hà Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Văn T và bà Dương Thị M số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và thanh toán cho anh Phạm Văn E và chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q) số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị M1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và thanh toán cho anh Phạm Văn E và chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q) số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2018, anh Phạm Văn P kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng giao cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Nhất P1 sinh ngày 29/10/2016. Tại phiên tòa phúc thẩm anh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Văn P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn P về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Nhất P1 sinh ngày 29/10/2016. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác*

phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Phạm Nhất P1 sinh ngày 29/10/2016, tính đến ngày xét xử sơ, phúc thẩm cháu P1 chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ quy định trên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cháu Phạm Nhất P1 cho chị H trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục là có căn cứ. Hơn nữa, hiện tại chị H có đầy đủ sức khỏe và có thu nhập đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu P1.

[3] Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Văn P; có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm anh Phạm Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Văn P; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H đối với anh Phạm Văn P. Cho ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Yến H2, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2005 cho anh Phạm Văn P tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu Phạm Nhất P1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ giao cháu Phạm Nhất P1 cho chị Hà Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H đối với anh Phạm Văn P về việc yêu cầu chia tài sản chung. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với anh Phạm Văn P.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P đã tự phân chia tài sản chung xong và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H đối với anh Phạm Văn P về việc chia nợ chung khi ly hôn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn P đối với chị Hà Thị H về việc chia nợ chung khi ly hôn.

Buộc chị Hà Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Văn T và bà Dương Thị M số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và thanh toán cho anh Phạm Văn E và chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q) số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị M1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và thanh toán cho anh Phạm Văn E và chị Phạm Thị Lệ Q (Phạm Lệ Q) số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: chị Hà Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự có giá ngạch: chị Hà Thị H và anh Phạm Văn P, mỗi người phải nộp 812.500 đồng (tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Hà Thị H đã nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009225 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch; chị Hà Thị H còn phải nộp 512.000 đồng (năm trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Phạm Văn P đã nộp tạm ứng án phí 313.000 đồng (ba trăm mười ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013113 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí dân sự có giá ngạch, anh Phạm Văn P còn phải nộp 449.500 đồng (bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng. Anh P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013156 ngày 10/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (2b);
- TAND huyện V (1b);
- VKSND huyện V (1b);
- CC THADS huyện V (1b);
- Các đương sự (8b);
- Lưu HS, TDS.

Đã ký

Nguyễn Lệ Kiều